TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **33**/2019/HNGĐ-ST Ngày: 14/10/2019 V/v "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trọng Tính

Ông Nguyễn Sỹ Luận

-Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước *tham gia phiên toà:*Ông Bùi Quang Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 260/2019/TLST - HNGĐ ngày 12/8/2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 19/9/2019; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/2019/TB-TA ngày 07/10/2019.

Nguyên đơn: Bà Hỏa Thị N, sinh năm 1987 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trịnh Quốc V, sinh năm 1986;(Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai bà Hỏa Thị Ntrình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Hỏa Thị N và ông Trịnh Quốc V tự do tìm hiểu, tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hưng, huyện Phước Long (nay là huyện Phú Riềng), tỉnh Bình Phước vào ngày 13/02/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian đầu. Đến năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống không có sự quan tâm và lo lắng cho nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả lẫn nhau, nên đến ngày 18/6/2019 bà N và ông V đã sống ly

thân từ đó cho đến nay. Vì vậy, nay bà N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu được ly hôn với ông V.

- *Về con chung:* Bà N và ông V có với nhau một con chung tên là Trịnh Hoàng V, sinh ngày 15/9/2010. Khi ly hôn, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Khi ly hôn, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Khi ly hôn, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn ông Trịnh Quốc V trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông V thống nhất với lời trình bày của bà Hỏa Thị N về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống và đăng ký kết hôn

Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, hay cãi vả lần nhau nên đến ngày 18/6/2019 thì vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Nhưng ông V cho rằng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nên trước yêu cầu ly hôn của bà N thì ông V không đồng ý vì ông con thương vợ và mong muốn bà N cho cơ hội để vợ chồng trở về cùng chung sống đoàn tụ. Nhưng tại phiên tòa xét xử ông V xác định vợ chồng không thể đoàn tụ để tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N.

- *Về con chung:* Ông V và bà N có với nhau một con chung tên là Trịnh Hoàng V, sinh ngày 15/9/2010. Khi ly hôn, ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Vê cấp dưỡng nuôi con chung:* Khi ly hôn, ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-*Về tài sản chung và nợ chung*: Khi ly hôn, ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn bà Hỏa Thị N được ly hôn với bị đơn ông Trịnh Quốc V.

Các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà N làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông V theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn có nơi cư trú tại xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Riềng. Nguyên đơn bà Hỏa Thị N có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó Tòa căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hỏa Thị N và ông Trịnh Quốc V tự do tìm hiểu, tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện PL (nay là huyện P), tỉnh Bình Phước vào ngày 13/02/2009. Việc kết hôn là đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã nhau, cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, bà N và ông V đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, hiện nay không ai còn quan tâm đến ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tiền hành hòa giải để các bên trở về đoàn tụ với nhau nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa ông V cũng xác định vợ chồng không thể đoàn tụ để tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N.

Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Hỏa Thị N đối với bị đơn ông Trịnh Quốc V.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 người con chung là cháu Trịnh Hoàng Việt, sinh ngày 16/01/2005. Khi ly hôn,bà N, ông V không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hỏa Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Hỏa Thị N được ly hôn với ông Trịnh Quốc V.

Các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Hỏa Thị N phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 027201 ngày 12/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

<u>Nơi nhận</u>:
- *VKSND H. Phú Riềng;*
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS H. Phú Riềng;*
- *UBND xã Long Hưng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quang Ninh